

# MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU ĐÃ SỬ DỤNG S95



Sản xuất được bê tông khối lớn do **GIẢM NHIỆT THỦY HÓA CỦA BÊ TÔNG**

Sản xuất được bê tông chịu nhiệt do **TĂNG ĐỘ BỀN NHIỆT CHO BÊ TÔNG**

Sản xuất được bê tông bền nước biển do **TĂNG ĐỘ CHỐNG THẤM CỦA BÊ TÔNG**, hạn chế xâm thực clo và sunphat

**GIẢM GIÁ THÀNH BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM** do thay thế 30-40% xi măng PCB40 bởi S95 với chi phí thấp hơn

Giảm hàm lượng clinker trong xi măng, nhờ đó làm giảm lượng phát thải CO2, **GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

## S95 HÒA PHÁT - PHỤ GIA BỀN CHẮC CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

### ỨNG DỤNG CỦA S95

- PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG
- PHỤ GIA CHO XI MĂNG
- PHỤ GIA CHO VỮA XÂY TRÁT

- GIA CỐ NỀN ĐẤT YẾU
- CẢI TẠO ĐẤT

ĐẠT TIÊU CHUẨN • TCVN 11586:2016 của Việt Nam • BS EN 15167-1:2006 của Anh Quốc



TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Văn phòng giao dịch: 66 Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội

Nhà máy 1: Khu liên hợp gang thép Hòa Phát, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Nhà máy 2: Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0913.984.666 / 0914.140.798 | 0934.415.892 | Website: hoaphat.com.vn

# ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG

BẢN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 10/2019/TT-BXD

NGÀY 26/12/2019 CỦA BỘ XÂY DỰNG

(TRÍCH TRANG 19-21)

## 11.13000 ĐỊNH MỨC CẤP PHỐI VỮA BÊ TÔNG SỬ DỤNG XI MĂNG PCB40 VÀ XÍ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN S95

### 11.13100 ĐỘ SỤT 12 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m <sup>3</sup> vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m <sup>3</sup> )	Đá dăm (m <sup>3</sup> )	Nước (lít)	Phụ gia
11.13121	Đá d <sub>max</sub> = 20mm	150	176	75	0,654	0,720	173	dẻo hóa
11.13122		200	196	84	0,616	0,735	169	dẻo hóa
11.13123		250	223	96	0,592	0,732	170	dẻo hóa
11.13124		300	246	105	0,574	0,729	172	siêu dẻo
11.13125		350	270	116	0,552	0,735	171	siêu dẻo
11.13126		400	297	127	0,538	0,728	169	siêu dẻo
11.13127		450	325	139	0,516	0,721	172	siêu dẻo

### 11.13200 ĐỘ SỤT 14 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m <sup>3</sup> vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m <sup>3</sup> )	Đá dăm (m <sup>3</sup> )	Nước (lít)	Phụ gia
11.13222	Đá d <sub>max</sub> = 20mm	200	188	80	0,599	0,794	166	dẻo hóa
11.13223		250	230	99	0,586	0,724	176	dẻo hóa
11.13224		300	256	110	0,561	0,728	177	siêu dẻo
11.13225		350	281	120	0,542	0,727	175	siêu dẻo
11.13226		400	306	131	0,528	0,730	170	siêu dẻo
11.13227		450	331	142	0,510	0,728	169	siêu dẻo
11.13228		500	345	148	0,513	0,722	166	siêu dẻo

### 11.13300 ĐỘ SỤT 16 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m <sup>3</sup> vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m <sup>3</sup> )	Đá dăm (m <sup>3</sup> )	Nước (lít)	Phụ gia
11.13324	Đá d <sub>max</sub> = 20mm	300	263	113	0,545	0,765	171	siêu dẻo
11.13325		350	284	122	0,526	0,757	178	siêu dẻo
11.13326		400	317	136	0,511	0,734	179	siêu dẻo
11.13327		450	342	147	0,512	0,730	160	siêu dẻo
11.13328		500	358	153	0,507	0,723	147	siêu dẻo

### 11.13400 ĐỘ SỤT 19 ± 1 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m <sup>3</sup> vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m <sup>3</sup> )	Đá dăm (m <sup>3</sup> )	Nước (lít)	Phụ gia
11.13426	Đá d <sub>max</sub> = 20mm	400	319	130	0,519	0,722	168	siêu dẻo
11.13427		450	343	147	0,509	0,714	160	siêu dẻo
11.13428		500	362	155	0,491	0,712	167	siêu dẻo
11.13429		550	371	159	0,491	0,709	132	siêu dẻo

### 11.13500 ĐỘ XÒE 60 ÷ 70 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m <sup>3</sup> vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m <sup>3</sup> )	Đá dăm (m <sup>3</sup> )	Nước (lít)	Phụ gia
11.13525	Đá d <sub>max</sub> = 10mm	350	333	143	0,583	0,717	167	siêu siêu dẻo
11.13526		400	369	158	0,568	0,697	166	siêu siêu dẻo
11.13527		450	371	159	0,556	0,678	167	siêu siêu dẻo
11.13528		500	389	166	0,527	0,681	172	siêu siêu dẻo
11.13529		550	466	200	0,477	0,703	147	siêu siêu dẻo

**Ghi chú:** Định mức cấp phối vữa bê tông chống thấm nước sử dụng xi măng PCB40 và xi hạt lò cao nghiền mịn S95 không cần điều chỉnh vì các cấp phối này đã đạt độ chống thấm: M250-B10; M300-B10; M350-B10; M400-B12; M450-B12; M500-B12; M550-B12.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**  
Số: 06/2020/HPDQ

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất**

Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi,  
Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3609.951

Fax: 0255.3620.968

**CÔNG BỐ:**

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường:

Tên gọi: **XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA (S95)**

Được sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT**

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật: **QCVN 16: 2019/BXD. Nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông.**

Thông tin bổ sung: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của Văn phòng chứng nhận thuộc Viện vật liệu xây dựng. Giấy chứng nhận số: 115/2020/DNSX-VLXD. Hiệu lực từ ngày 20/07/2020 đến ngày 19/07/2023.

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ.

Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa (S95) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 07 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  


PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Hồ Đức Thọ*

# GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

## *Certificate of Conformity*

Số (No.): 115/2020/DNSX-VLXD

Chứng nhận sản phẩm/*Certifies that the product*

**XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN  
DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA (S95)**

*Ground granulated blast-furnace slag for concrete and mortar*

Được sản xuất bởi/*Manufactured by*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT**

*Hoa Phat Dung Quat Steel Joint Stock Company*

Địa chỉ: Khu KT Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

*Address: Dung Quat economy zone, Binh Dong ward, Binh Son district,  
Quang Ngai province, Vietnam*

**Phù hợp/Conform to QCVN 16: 2019/BXD**

**Công ty được phép sử dụng dấu hợp quy**

*Company can bear the Quality Mark*



Phương thức đánh giá/*Type of product certification systems*

**Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012**

*System No.5 according to Decision No.28/2012/TT-BKHCHN*

**Giấy Chứng nhận và dấu hợp quy có giá trị từ/ Valid from:**

**20/07/2020 đến/until 19/07/2023**

**GIÁM ĐỐC VPCN**

*Director of BoC*





**BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 003 (ISO/IEC 17025:2005) - TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM)  
VILAS 003 LABORATORY - INSPECTION CENTER FOR BUILDING MATERIALS  
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Email: centestvilas003@gmail.com; Website: www.vibm.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TEST REPORT

Số (No) ....52.56/VLXD-TTKĐ

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): Văn phòng chứng nhận – Viện Vật liệu xây dựng
2. Loại mẫu (Kind of sample): Xi hạt lò cao nghiền mịn S95
3. Đơn vị sản xuất (Production factory): Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất
4. Số phiếu kế hoạch (Reg.No): 402/KHTN (1105/VILASKĐ)
5. Ngày nhận mẫu (Date of received sample): 08/06/2020

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TEST RESULT

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Norms)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Result)	YCKT TCVN 11586: 2016	Phương pháp thử (Test method)
1	Chỉ số hoạt tính cường độ:	%			TCVN 11586: 2016
	- 7 ngày		76	≥ 75	
	- 28 ngày		106	≥ 95	
2	Hàm lượng Mất khi nung (LOI)	%	- 0,11	≤ 3,0	TCVN 11586: 2016
3	Hàm lượng MgO	%	9,17	≤ 10	TCVN 8265: 2009
4	Hàm lượng SO <sub>3</sub>	%	0,01	≤ 4,0	
5	Hàm lượng Cl <sup>-</sup>	%	< 0,001	≤ 0,02	TCVN 141: 2008

**Kết luận:** Mẫu thử có các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với quy định xi hạt lò cao nghiền mịn mức S95 theo QCVN 16: 2019/BXD.

Hà Nội, ngày (Date): 13/07/2020

Cán bộ phân tích (Tested by): Luận - Bình – Liên.....

Viện Vật liệu xây dựng



PTN Vilas 003- Trung tâm Kiểm định VLXD  
Vilas 003- Inspection Center for BM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

*Nguyễn Văn Huỳnh*

*Nguyễn Minh Quỳnh*

**Ghi chú (Note):**

- Mẫu do khách hàng gửi đến phòng thí nghiệm VILAS 003-Viện Vật liệu xây dựng. Tên cơ quan gửi mẫu, tên mẫu trên Phiếu kết quả thử nghiệm do khách hàng đặt. (Samples were sent to lab VILAS 003-VIBM. Name of client and sample as client's request).
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu. Không được sao trích một phần Phiếu kết quả này khi không được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm VILAS 003. (The test report valid for sample only. This test report shall not reproduced except in full, without the written approval of VILAS 003).
- Dấu VILAS 003 không bao gồm phép thử dấu (\*). The VILAS003 symbol not used for (\*) test methods.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: *Chứng nhận chất lượng sản phẩm*

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

*Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 30/6/2006;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16: 2019/BXD;*

*Căn cứ Kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng chứng nhận.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cấp Giấy Chứng nhận hợp quy số 115/2020/DNSX-VLXD cho sản phẩm:

**XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA (S95)**

Được sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUÁT**

Địa chỉ: Khu KT Dung Quát, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

**Phù hợp với Quy chuẩn QCVN 16: 2019/BXD**

**Nhóm sản phẩm xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông**

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quát phải đảm bảo duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của QCVN 16: 2019/BXD trong quá trình sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu chất lượng trên các sản phẩm đã chứng nhận.

**Điều 3.** Giấy Chứng nhận và dấu hợp quy có hiệu lực kể từ ngày 20/07/2020 đến 19/07/2023. Trong thời gian hiệu lực của Giấy Chứng nhận, Công ty chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/ 01 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm.

Nơi nhận: *ha*

- Công ty CP thép Hòa Phát Dung Quát;
- Lưu VPCN; Hồ sơ đánh giá.

**VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Huỳnh*

Số: 277 /TB-SXD

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY**

Sở Xây dựng Quảng Ngãi xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy kèm theo bản Công bố hợp quy số 06/2020/HPDQ ngày 23/7/2020 của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, địa chỉ trụ sở chính: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Cho sản phẩm: **XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA (S95)**

Được sản xuất bởi: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất.

Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2019/BXD và có giá trị đến ngày 19/7/2023.

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất và không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./

**Nơi nhận:**

- Cty CP Thép Hòa Phát Dung Quất;
- Sở KH&CN (p/h);
- Trung tâm HCC Quảng Ngãi;
- GD, PGD (P.M.Tuấn);
- Lưu VT, KT&VL<sub>VT</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phùng Minh Tuấn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN**  
Số: 01/2020/HPDQ

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất**

Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi,  
Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3609.951

Fax: 0255.3620.968

**CÔNG BỐ:**

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường:

Tên gọi: **XỈ HẠT LÒ CAO NGHIỀN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**

Được sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT**

Phù hợp với tiêu chuẩn: **BS EN 15167-1:2006.**

Thông tin bổ sung: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của Văn phòng chứng nhận thuộc Viện vật liệu xây dựng. Giấy chứng nhận số: 117/2020/DNSX-VLXD. Hiệu lực từ ngày 20/07/2020 đến ngày 19/07/2023.

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ.

Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 07 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Hà Đức Thọ*



VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN



# GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN *Certificate of Conformity*

Số (No.): 117/2020/DNSX-VLXD

Chứng nhận sản phẩm/*Certifies that the product*

**XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN  
DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**

*Ground granulated blast-furnace slag for concrete and mortar*

Được sản xuất bởi/*Manufactured by*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT**  
*Hoa Phat Dung Quat Steel Joint Stock Company*

Địa chỉ: Khu KT Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam  
*Address: Dung Quat economy zone, Binh Dong ward, Binh Son district, Quang Ngai province, Vietnam*

**Phù hợp/*Conform to BS EN 15167-1: 2006***

**Công ty được phép sử dụng dấu hợp chuẩn**  
*Company can bear the Quality Mark*



Phương thức đánh giá/*Type of product certification systems*

**Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012**  
*System No.5 according to Decision No.28/2012/TT-BKHCHN*

**Giấy Chứng nhận và dấu hợp chuẩn có giá trị từ/ *Valid from:***  
**20/07/2020 đến/*until 19/07/2023***

**GIÁM ĐỐC VPCN**  
*Director of BoC*

**Trần Thị Thu Hà**

**P. VIỆN TRƯỞNG**  
*Vice President of VIBM*

**Nguyễn Văn Huỳnh**

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v: Chứng nhận chất lượng sản phẩm

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Căn cứ Điều 52 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành ngày 30/6/2006;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Vật liệu xây dựng;

Căn cứ yêu cầu của tiêu chuẩn BS EN 15167-1: 2006;

Căn cứ Kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng chứng nhận.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cấp Giấy Chứng nhận hợp chuẩn số 117/2020/DNSX-VLXD cho sản phẩm:

**XỈ HẠT LÒ CAO NGHIÊN MỊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**

Được sản xuất bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HÒA PHÁT DUNG QUÁT**

Địa chỉ: Khu KT Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**Phù hợp với tiêu chuẩn BS EN 15167-1: 2006**

**Ground granulated blast furnace slag for use in concrete, mortar and grout**

**Part 1: Definitions, specifications and conformity criteria**

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất phải đảm bảo duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn BS EN 15167-1: 2006 trong quá trình sản xuất. Công ty được phép sử dụng dấu chất lượng trên các sản phẩm đã chứng nhận.

**Điều 3.** Giấy Chứng nhận và dấu hợp chuẩn có hiệu lực kể từ ngày 20/07/2020 đến 19/07/2023. Trong thời gian hiệu lực của Giấy Chứng nhận, Công ty chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/ 01 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm.

Nơi nhận: 

- Công ty CP thép Hòa Phát Dung Quất;
- Lưu VPCN; Hồ sơ đánh giá.





**BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

PHÒNG THÍ NGHIỆM VILAS 003 (ISO/IEC 17025:2005) - TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
VIET NAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM)  
VILAS 003 LABORATORY - INSPECTION CENTER FOR BUILDING MATERIALS  
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội  
Điện thoại (Tel): 024 38582216; Fax: 024 38581112; Email: centestvilas003@gmail.com; Website: www.vibm.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TEST REPORT

Số (No) 5257/VLXD-TTKĐ

1. Cơ quan gửi mẫu (Client): Văn phòng chứng nhận – Viện Vật liệu xây dựng
2. Loại mẫu (Kind of sample): Xi hạt lò cao nghiền mịn
3. Đơn vị sản xuất (Production factory): Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất
4. Số phiếu kế hoạch (Reg.No): 402/KHTN (1105/VILASKĐ)
5. Ngày nhận mẫu (Date of received sample): 08/06/2020

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TEST RESULT

STT (No)	Tên chỉ tiêu (Norms)	Đơn vị (Unit)	Kết quả (Result)	YCKT TCVN BS EN 15167-1:2006	Phương pháp thử (Test method)
1	Chỉ số hoạt tính cường độ:	%			EN 196-1 (BS EN 15167-1: 2006)
	- 7 ngày		63	≥ 45	
	- 28 ngày		86	≥ 70	
2	Bê mặt riêng	m <sup>2</sup> /kg	540	≥ 275	EN 196-6
3	Tỷ lệ thời gian bắt đầu đông kết so với mẫu đối chứng	lần	1,2	≤ 2	EN 196-3 (BS EN 15167-1: 2006)
4	Hàm lượng Mất khi nung (LOI)	%	- 0,08	≤ 3,0	EN 196-2
5	Hàm lượng MgO	%	9,28	≤ 18	
6	Hàm lượng SO <sub>3</sub>	%	0,01	≤ 2,5	
7	Hàm lượng Cl <sup>-</sup>	%	< 0,001	≤ 0,10	
8	Hàm lượng S <sup>2</sup> -tổng	%	0,61	≤ 2,0	
9	Độ ẩm	%	0,05	≤ 1,0	BS EN 15167-1: 2006

**Nhân xét:** Các kết quả thử nghiệm của mẫu thử trên phù hợp quy định của xi hạt lò cao nghiền mịn theo BS EN 15167-1: 2006.

Hà Nội, ngày (Date): 13/07/2020

Cán bộ phân tích (Tested by): Luận - Bình - Liên.....

Viện Vật liệu xây dựng

PTN Vilas 003- Trung tâm Kiểm định VLXD  
Vilas 003- Inspection Center for BM



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Huỳnh

Nguyễn Minh Quỳnh

**Ghi chú (Note):**

- Mẫu do khách hàng gửi đến phòng thí nghiệm VILAS 003-Viện Vật liệu xây dựng. Tên cơ quan gửi mẫu, tên mẫu trên Phiếu kết quả thử nghiệm do khách hàng đặt. (Samples were sent to lab VILAS 003-VIBM. Name of client and sample as client's request).
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu. Không được sao trích một phần Phiếu kết quả này khi không được đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm VILAS 003. (The test report valid for sample only. This test report shall not reproduced except in full, without the written approval of VILAS 003).
- Dấu VILAS 003 không bao gồm phép thử dấu (\*). The VILAS003 symbol not used for (\*) test methods.

Số: 15/TB-CCTCĐLCL

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**THÔNG BÁO  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Ngãi xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn số 01/2020/HPDQ ngày 23 tháng 7 năm 2020 của:

**Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất**

Địa chỉ: **KKT Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

Cho sản phẩm, hàng hóa: **Xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa**

Phù hợp với tiêu chuẩn: **BS EN 15167-1:2006**

Có giá trị đến: **ngày 19 tháng 7 năm 2023**

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

**Nơi nhận:**

- Cty CP Thép HPDQ;
- Sở KH-CN (báo cáo);
- Lưu: VT, QLTCCCL.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Thành Phương**